| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2022/HN-PT
Ngày 27 - 01 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Huỳnh Thanh Tâm

*Các Thẩm phán*: Ông Lê Hồng Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Trung Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Ông Đỗ Phước Thành– Kiểm sát viên, tham gia phiên toà.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung";

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 29/2021/HN-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐXXPT-HN, ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 108 đường Ngô Q, Khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, có mặt;

Địa chỉ liên hệ: Số 84 đường Nguyễn T, Khóm 6, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn*: Ông Trần Nam D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 108 đường Ngô Q, Khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*3. Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà và ông Trần Nam D tự tìm hiểu nhau và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương An Trà. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do ông D không không quan

tâm đến gia đình nên giữa vợ chồng không còn tình cảm. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Nam D.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhựt N, sinh ngày 19/9/2009, bà L yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*- Bị đơn ông Trần Nam D trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L tự tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Nhựt N, sinh ngày 19/9/2009. Ông không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*- Tại biên bản ngày 04/5/2021 cháu Trần Nhựt N trình bày:* Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là Nguyễn Thị Kim L.

Tại Bản án số 29/2021/HN-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Trần Nam D.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Trần Nam D và được nuôi dạy con chung là Trần Nhựt N, sinh năm 2009, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Ông Trần Nam D có yêu cầu xét xử vắng mặt, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 19/01/2022, ông D thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà L; về nuôi dạy con chung thống nhất theo nguyện vọng của cháu Trần Nhựt N, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên

tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng  khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 29/2021/HN-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc ly hôn ông Trần Nam D; giao cháu Trần Nhựt N cho bà L nuôi dạy, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là nguyên đơn có mặt, bị đơn, ông Trần Nam D vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Trần Nam D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 081, Quyển 01/05 ngày 10/10/2005 nên được xác định hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc, có 01 con chung là Trần Nhựt N, sinh ngày 19/9/2009. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L trình bày do ông D không quan tâm đến gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ tháng 4/2020, bà L về nhà cha mẹ sống cùng với con cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn ông Trần Nam D thì cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông vẫn còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông D chưa đến mức trầm trọng, cần tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian hàn gắn lại tình nghĩa vợ chồng cùng nuôi dạy con nên đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ phía ông D, chưa thực sự quan tâm đến gia đình, tuy nhiên, bà L không cung cấp được chứng cứ cụ thể về mức độ mâu thuẫn vợ chồng, Kết quả xác

minh, thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm không thể hiện được mức độ mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bà L trình bày không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Đơn đề ngày 19/01/2022, ông D cũng thừa nhận không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn với bà L. Đây là tình tiết mới do bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm, cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L về việc ly hôn với ông D là phù hợp nên được chấp nhận.

Về con chung, bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Nhựt N, sinh năm 2009, tại biên bản ngày 04/5/2021, cháu Nhựt N có nguyện vọng sống với mẹ là bà L. Ý kiến của ông D cũng thống nhất theo nguyện vọng của cháu Nhựt N. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L về việc được tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Trần Nhựt N như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Ông D không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền đến thăm con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà L nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, trường hợp nêu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà L có thể khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là có căn cứ.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án hôn nhân sơ thẩm số 29/2021/HNST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[3] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Bà L phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;*

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L;

Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 29/2021/HN-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn ông Trần Nam D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 081, Quyển 01/05 ngày 10/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Trần Nhựt N, sinh ngày 19/9/2009; ông Trần Nam D được quyền đến thăm con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000501 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007946 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Tòa GĐ-CTN;
- Phòng KTNV và THA;
- UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**